

Số: /TTr-VPQGDTMN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Thông tư Hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030

Kính trình: Bộ trưởng Nguyễn Đình Khang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; cứ Quyết định số 229/QĐ-BDTTG ngày 23/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về điều chỉnh Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi xây dựng dự thảo Thông tư Hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030, với nội dung như sau:

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH THÔNG TƯ

1. Căn cứ xây dựng Thông tư

- Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

- Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 257/2025/QH15;

- Nghị định số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030;

Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 358/2025/NĐ-CP);

2. Tại Nội dung 03, Nội dung thành phần 05 Hợp phần thứ hai ban hành kèm theo Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030 (Quyết định số 417/QĐ-BNNMT), có nhiệm vụ: “Xây dựng và duy trì, vận hành hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (theo các Nghị định của Chính phủ: Số 255/2025/NĐ-CP ngày 29/9/2025 về xác định các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030, số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030)”. Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã ban hành Kế hoạch xây dựng Thông tư hướng dẫn giám sát, đánh giá trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 240/QĐ-BD TTG ngày 29/4/2026).

Căn cứ các nội dung trên đây, việc Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành Thông tư Hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG THÔNG TƯ

1. Mục đích ban hành

a) Đảm bảo việc triển khai hệ thống quản lý theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào DTTS&MN, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù được thực hiện đồng bộ, tạo nền tảng cho việc chuẩn hóa dữ liệu, số hóa thông tin quản lý,

b) Đảm bảo kết nối với hệ thống cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo chương trình mục tiêu quốc gia, đồng bộ các chỉ tiêu, chỉ số của từng địa bàn, thiết lập cơ sở để đánh giá trình độ phát triển của địa bàn sau khi được đầu tư, hỗ trợ từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, Đề án, dự án được triển khai trên địa bàn;

c) Xác định, đề xuất được những vấn đề trọng điểm cần ưu tiên đầu tư, hỗ trợ trong giai đoạn và các năm tiếp theo.

2. Quan điểm xây dựng

a) Việc ban hành Thông tư phải phù hợp, đúng quy định của hệ thống pháp luật hiện hành.

b) Nội dung dự thảo Thông tư, các chỉ tiêu, số liệu căn cứ vào các quy định tại Nghị định số 255/2025/NĐ-CP và Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, không bổ sung các thủ tục hành chính mới.

c) Tích hợp, đồng bộ với các chỉ tiêu, số liệu theo dõi, giám sát đánh giá của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030.

d) Việc kết nối, chia sẻ và phân tích thông tin đảm bảo đồng bộ giữa hệ thống và các cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý khác.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Ngày 11/5/2026: Tổ chức họp Tổ Soạn thảo lần 1 góp ý Thông tư.

Ngày/5/2026: Tổ chức họp Tổ Soạn thảo lần góp ý Thông tư.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA THÔNG TƯ

1. Tên gọi Thông tư

“Thông tư Hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030”

2. Bố cục Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 10 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện;

Điều 3. Nội dung quản lý, theo dõi các tiêu chí, số liệu theo quy định tại Nghị định số 255/2025/NĐ-CP;

Điều 4. Nội dung quản lý, theo dõi các tiêu chí, số liệu theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

Điều 5. Hệ thống biểu mẫu quản lý, theo dõi, báo cáo;

Điều 6. Trách nhiệm quản lý, theo dõi, báo cáo;

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026 - 2030;

Điều 8. Tổ chức thực hiện;

Điều 9. Kinh phí thực hiện;

Điều 10. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của Thông tư

a) Về phạm vi:

- Địa bàn quản lý, theo dõi các tiêu chí, số liệu đối với Nghị định số 255/2025/NĐ-CP: Toàn quốc.

- Địa bàn quản lý, theo dõi các tiêu chí, số liệu đối với Nghị định số 272/2025/NĐ-CP: các thôn, xã, tỉnh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phê duyệt và công bố theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Về tiêu chí, số liệu

- Quy định 03 tiêu chí, số liệu liên quan đến Nghị định số 255/2025/NĐ-CP;
- Quy định 02 tiêu chí, số liệu chung liên quan đến Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

- Quy định 07 tiêu chí, số liệu đối với cấp thôn liên quan đến Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

- Quy định 16 tiêu chí, số liệu đối với cấp xã liên quan đến Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

- Quy định 02 tiêu chí, số liệu đối với cấp tỉnh liên quan đến Nghị định số 272/2025/NĐ-CP;

c) Về biểu tổng hợp chỉ tiêu, số liệu

- Quy định 03 chỉ tiêu số liệu toàn quốc;

- Quy định 17 chỉ tiêu, số liệu áp dụng cho địa bàn

- Quy định 05 chỉ tiêu, số liệu đặc tả kết quả tăng thêm đối với địa bàn

Bổ sung các chỉ tiêu, số liệu được kết xuất từ hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030, gồm: 90 chỉ tiêu, số liệu liên quan đến các hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN; 03 nhóm số liệu về nguồn lực thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào DTTS&MN: vốn, giải ngân và quyết toán.

d) Về chu kỳ: Báo cáo được tổng theo theo định kỳ hằng năm.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO THÔNG TƯ GỬI VỤ PHÁP CHẾ THẨM ĐỊNH:

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH THÔNG TƯ; THỜI GIAN TRÌNH BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực và điều kiện đảm bảo cho việc thi hành Thông tư

Kinh phí thực hiện các hoạt động rà soát, xác định các tiêu chí, số liệu phục vụ công tác quản lý do ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Kinh phí hỗ trợ các hoạt động quản lý, kiểm tra được bố trí từ kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2026 đến năm 2030

2. Về trình tự, thủ tục ban hành Thông tư

Thông tư được ban hành theo trình tự rút gọn, được quy định tại Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2026 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng MTQG xây dựng NTM, GNBV và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2026 - 2035.

3. Thời gian ban hành Thông tư

Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi dự kiến trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ban hành trong tháng 5 năm 2026

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:

Trên đây là Tờ trình về việc ban hành Thông tư Hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030. Văn phòng Quốc gia về dân tộc và miền núi xin kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Thông tư; (2) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý dự thảo Thông tư; (3) Báo cáo thẩm định của Vụ Pháp chế; (4) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Vụ Pháp chế; (5) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo thông tư hướng dẫn quản lý, theo dõi trình độ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2026-2030).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Y Vinh Tor (để b/c)
- Vụ Pháp chế (để ph/h);
- Lưu VPQGDTMN.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Hà Việt Quân